

Bản án số: 18/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 24 – 8 - 2020.

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG P, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị O, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Khoan T, thị trấn Long P, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lý C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Khoan T, thị trấn Long P, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 01/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị O trình bày:

Vào năm 2002, bà và ông C có kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở do hai bên tự nguyện và hai bên chỉ làm tờ khai đăng ký kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, ông C thường xuyên uống rượu, dùng lời lẽ xúc phạm bà. Nay bà yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông C là vợ chồng.

Trong thời gian chung sống bà và ông C có hai người con tên là Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018. Hiện nay cháu Kỳ và cháu M đang sống với bà. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Lý C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thủ tục kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay trước yêu cầu của bà Oanh, ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận mối quan hệ giữa ông và bà Oanh không phải là vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn nhưng ông không đồng ý vì ông hứa sẽ thay đổi để chăm sóc gia đình, bản thân ông còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Đồng ý giao hai người con tên là Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018 cho bà Oanh trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Lý Thị O và ông Lý C là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao con chung tên Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018 cho bà Oanh được trực tiếp nuôi dưỡng và ông C không cấp dưỡng nuôi con do bà Oanh không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà Oanh và ông C thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Oanh và ông C xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Lý Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Lý C là vợ chồng; Ông Lý C không đồng ý vì còn thương vợ, thương con. Xét yêu cầu của bà Lý Thị O Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lý Thị O và ông Lý C chung sống với nhau vào năm 2002, có làm tờ khai đăng ký kết hôn nhưng chưa làm thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Oanh, ông C đều thừa nhận ông bà chưa có đăng ký kết hôn và phù hợp với biên bản xác minh ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long P xác định “Bà Lý Thị O và ông Lý C có làm tờ khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long P vào ngày 28/12/2002 nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật”. Từ chứng cứ nêu trên, đối chiếu với Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình nên pháp luật không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị O và ông Lý C là hợp pháp. Bên cạnh đó, trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị O không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông C là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Lý Thị O có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018 và ông Lý C thống nhất giao con chung cho bà Lý Thị O được trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông C khẳng định cháu Kcháu M là con chung của ông và bà Oanh, từ khi ly thân đến nay cháu Kcháu M do bà Oanh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Kỳ có nguyện vọng được sống với bà Oanh. Xét thấy, hiện nay cháu M dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ và bà Oanh có điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu M, cháu Kỳ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M, cháu Kỳ nhận thấy cần tiếp tục giao cháu M, cháu Kỳ cho bà Oanh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cũng phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Oanh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lý Thị Kiều M, cháu Lý Nhật Kỳ.

Ông Lý C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và cháu Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018 mà không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Lý Thị O cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lý C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và cháu Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị O không yêu cầu ông Lý C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Oanh và ông C thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Oanh và ông C xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[4]. Về án phí: Bà Lý Thị O phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Lý C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Lý Thị O và ông Lý C là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Lý Thị O được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và cháu Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018. Ông Lý C có quyền, nghĩa vụ thăm nom Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và cháu Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018 mà không ai được cản trở. Bà Lý Thị O cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lý C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Nhật Ksinh ngày 31/12/2003 và cháu Lý Thị Kiều M, sinh ngày 30/11/2018.

3. Ông Lý C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Lý Thị O không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Bà Lý Thị O và ông Lý C thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0006078 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lý Thị O đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lý C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long P;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Long P;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long P;
- Lưu (HS, VP).

Dương Thị Thanh Hoa